

Số: 15 /2021/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội  
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 174/BC-VHXXH ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Những nội dung khác liên quan đến chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội không được quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ

trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng và đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội đang được nuôi dưỡng trong các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được quy định tại Điều 5; khoản 1 Điều 18; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội**

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là căn cứ xác định mức trợ cấp xã hội hàng tháng; mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## **Điều 4. Mức trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng; mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội**

1. Đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng mức trợ cấp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này nhân với hệ số tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

2. Đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngoài trợ cấp theo hệ số quy định tại khoản 1 Điều này còn được trợ cấp thêm hệ số 1,0 nếu đối tượng thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc hộ nghèo của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (bao gồm hộ nghèo chuẩn Quốc gia, hộ cận nghèo chuẩn Quốc gia, hộ nghèo chuẩn của tỉnh);

b) Đối tượng quy định tại khoản 3, điểm a và điểm d khoản 5, khoản 8 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc hộ nghèo chuẩn Quốc gia;

c) Đối tượng quy định tại khoản 4, điểm b khoản 5 và khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc hộ nghèo chuẩn Quốc gia và hộ cận nghèo chuẩn Quốc gia.

3. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hoặc nhận chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng nhưng mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi được hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này nhân với hệ số trợ cấp tương ứng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

4. Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội (cơ sở công lập và ngoài công lập) được hưởng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này nhân với hệ số tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

#### 5. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng trong các cơ sở trợ giúp xã hội do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý được bố trí từ ngân sách tỉnh.

b) Các đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng và đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được bố trí từ ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Nội dung “Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2013/NĐ-CP) thuộc hộ gia đình nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” quy định tại khoản 1 Điều 2 và nội dung “Nâng hệ số trợ cấp thêm 1,0 so với hệ số trợ cấp xã hội hiện hưởng cho đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng theo quy định tại Điều 5 Nghị

định số 136/2013/NĐ-CP thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nâng hệ số trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng thuộc diện hộ nghèo và chế độ tiền ăn ngày lễ, tết, khi ốm đau cho đối tượng được nuôi dưỡng trong các cơ sở trợ giúp xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu; Đài PT-TH tỉnh,;
- Lưu: VT, LĐT BXH, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Viết Thanh**